

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ
Bản án số: 08/2019/HS-ST
Ngày 25/02/2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Thúy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Anh Đức**

2. Ông **Nguyễn Tiến Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Việt Dũng** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thị Thu Hà** - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 25 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2019/TLST- HS ngày 31 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **BÙI QUANG L** Sinh năm 1980, tại: thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu 9, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: **Bùi Quang H** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị M** Sinh năm: 1957;

Anh, chị, em ruột: Có 06 người, bị cáo là thứ hai.

Vợ: **Trần Thị Thanh T**; Sinh năm: 1980;

Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2000 nhỏ sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/12/2018, đến ngày 05/12/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

2. Họ và tên: **LÊ TRỌNG T** Sinh năm 1986, tại: thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu 8, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Lê Văn C; Sinh năm: 1958 và bà Phạm Thị H; Sinh năm: 1959;

Anh, chị, em ruột: Có 06 người, bị cáo là thứ ba.

Vợ: Lê Thị Kim T; Sinh năm: 1989;

Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/12/2018, đến ngày 05/12/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

3. Họ và tên: **NGUYỄN HỒNG Đ** Sinh năm 1979, tại: xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu 9, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Quốc Đ; Sinh năm: 1957 và bà Phạm Thị L Sinh năm: 1958;

Anh, chị, em ruột: Có 04 người, bị cáo là thứ nhất.

Vợ: Nguyễn Thị B Sinh năm: 1987;

Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/12/2018, đến ngày 05/12/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

4. Họ và tên: **LÊ BÌNH T** Sinh năm 1976, tại: xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu 9, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Lê Ngọc H (đã chết) và bà Nguyễn Thị S; Sinh năm: 1940

Anh, chị, em ruột: Có 06 người, bị cáo là thứ ba.

Vợ: Nguyễn Thị Minh C; Sinh năm: 1982;

Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/12/2018, đến ngày 05/12/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

(Các bị cáo hôm nay có mặt tại phiên tòa).

Người chứng kiến:

Ông Lê Quang D sinh năm 1954

Trú tại: Khu 9 xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 10 phút ngày 02/12/2018 tại nhà của Bùi Quang L ở khu 9, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, Công an thị xã Phú Thọ bắt quả tang 04 đối tượng gồm: Bùi Quang L, sinh năm 1980; Lê Bính T, sinh năm 1976; Nguyễn Hồng Đ, sinh năm: 1979, đều trú tại: khu 9, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ và Lê Trọng T, sinh năm 1986, trú tại: khu 8, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ đang đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh ba cây ăn tiền. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 9.180.000 đồng (Chín triệu một trăm tám mươi nghìn đồng), 36 quân bài tú lơ khơ và 01 chiếc chiếu cói. Ngay khi bị bắt các đối tượng đã thừa nhận toàn bộ hành vi đánh bạc trái phép của mình. Ngoài ra, Công an thị xã Phú Thọ tạm giữ của Bùi Quang L số tiền 6.000.000 đồng; tạm giữ của Lê Bính T số tiền 40.000 đồng; tạm giữ của Nguyễn Hồng Đ 01 ví màu nâu bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hồng Đ và số tiền 36.000 đồng; tạm giữ của Lê Trọng T 01 ví màu đen bên trong có 01 giấy phép lái xe hạng C mang tên Lê Trọng T.

Tại cơ quan điều tra Bùi Quang L, Lê Bính T, Nguyễn Hồng Đ và Lê Trọng T đã khai nhận như sau: Khoảng 11 giờ ngày 02/12/2018 L, T, Đ và T rủ nhau đi bộ đến nhà L ở khu 9, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ để chơi. Đến nơi L, T, Đ và T ngồi chơi uống nước tại phòng khách được khoảng 15 phút thì cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây ăn tiền. T đi mua 01 bộ bài tú lơ khơ mang về nhà L, cả bốn đối tượng ngồi trên chiếc giường kê ở phòng khách nhà L và bắt đầu đánh bạc. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, khi L, T, Đ, T đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an thị xã Phú Thọ kiểm tra, bắt quả tang như trên.

Về cách thức đánh bạc và tỷ lệ L T thua, những người chơi thống nhất như sau: Các đối tượng sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài, loại bỏ 16 quân bài gồm các quân bài 10, J, Q, K, còn lại 36 quân bài. Ván đầu tiên không tính T thua mà xem ai cao điểm nhất để cầm chương. Người cầm chương dùng 36 quân bài lần lượt chia cho mỗi người chơi 03 quân bài, sau đó từng người chơi cộng điểm 03 quân bài của mình để so điểm với người cầm chương, các quân bài từ A đến 9 tương đương với số điểm từ 01 đến 09. Nếu điểm của người cầm chương cao hơn thì người cầm chương T và người chơi phải trả tiền cho người cầm chương và ngược lại. Nếu tổng số điểm của 03 quân bài lớn hơn 10 thì chỉ lấy phần đơn vị của

tổng 03 quân bài để tính điểm trừ trường hợp tổng điểm 03 quân bài là 20 thì tính là 10 điểm. Trường hợp người cầm chương và người chơi bằng điểm nhau thì tính T thua bằng cách so về chất theo thứ tự ưu tiên: rô, cơ, tép, bích; quân bài có ký hiệu chữ A (quân bài Át) chất rô là lớn nhất tiếp theo tính lần lượt từ 9 chỏ xuống. Nếu điểm số từ 1 đến 8 điểm thì số tiền T thua mỗi ván là 10.000 đồng, nếu điểm số là 9 hoặc 10 thì số tiền T thua mỗi ván là 20.000 đồng. Hết ván bài người nào được 10 điểm cao nhất sẽ là người cầm chương ván bài tiếp theo.

Kết quả điều tra xác định số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc bị cơ quan Công an thu giữ ngày 02/12/2018 là: 15.256.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Về số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc được xác định như sau: Bùi Quang L dùng số tiền 1.680.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt L thua 1.220.000 đồng còn 460.000 đồng trên chiếu bạc, nếu thua hết số tiền này L sẽ tiếp tục lấy số tiền 6.000.000 đồng trên người để đánh bạc, tổng số tiền L dùng để đánh bạc là 7.680.000 đồng. Lê Bính T dùng số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt T thua 550.000 đồng còn 950.000 đồng trên chiếu bạc, nếu thua hết số tiền này T sẽ tiếp tục lấy số tiền 40.000 đồng trên người để đánh bạc, tổng số tiền T dùng để đánh bạc là 1.540.000 đồng. Lê Trọng T dùng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt T 1.400.000 đồng, tổng trên chiếu bạc T có số tiền 4.400.000 đồng. Nguyễn Hồng Đ dùng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt T 370.000 đồng, tổng trên chiếu bạc Đ có số tiền 3.370.000 đồng, nếu thua hết số tiền này, Đ sẽ tiếp tục lấy số tiền 36.000 đồng trên người để đánh bạc, tổng số tiền Đ dùng để đánh bạc là 3.036.000 đồng.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bùi Quang L; Lê Bính T; Lê Trọng T và Nguyễn Hồng Đ đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tài sản, đồ vật tạm giữ gồm: số tiền 6.000.000 đồng của Bùi Quang L; số tiền 40.000 đồng của Lê Bính T; 01 ví màu nâu bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hồng Đ và số tiền 36.000 đồng của Nguyễn Hồng Đ; 01 ví màu đen bên trong có 01 giấy phép lái xe hạng C mang tên Lê Trọng T của Lê Trọng T. Kết quả điều tra xác định: 01 ví màu nâu, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hồng Đ và 01 ví màu đen, 01 giấy phép lái xe hạng C mang tên Lê Trọng T là tài sản cá nhân của Đ, T, các tài sản trên đều không dùng vào việc đánh bạc và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Ngày

09/01/2019, Cơ quan điều tra - Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại cho Đ và T các tài sản trên theo quy định. Đối với số tiền thu giữ trên người L, T và thu giữ trong ví của Đ là số tiền L, T, Đ sẽ dùng để đánh bạc hiện vẫn được tạm giữ tại cơ quan điều tra Công an thị xã Phú Thọ và được chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Hành vi phạm tội của Bùi Quang L; Lê Bính T; Lê Trọng T và Nguyễn Hồng Đ được chứng minh bằng các tài liệu gồm: biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, lời khai của người chứng kiến, lời khai của các bị cáo và các tài liệu điều tra khác được cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 10/CT-VKS-TXPT ngày 30/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ truy tố các bị cáo Bùi Quang L; Lê Bính T; Lê Trọng T và Nguyễn Hồng Đ về tội: “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Bùi Quang L; Lê Bính T; Lê Trọng T và Nguyễn Hồng Đ phạm tội: “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1 điều 51, khoản 1,3 Điều 35 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt: Bùi Quang L từ 25 đến 27 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Lê Bính T từ 25 đến 27 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Lê Trọng T từ 20 đến 22 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Đ từ 20 đến 22 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2; điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước 15.256.000đ đồng (Mười lăm triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Đề nghị tịch thu cho tiêu hủy 36 quân bài tú lơ khơ và 01 chiếc chiếu cói.

Xác nhận cơ quan điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại cho bị cáo T 01 ví màu đen, bên trong có 01 giấy phép lái xe hạng C mang tên Lê Trọng T và đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Hồng Đ 01 ví da màu nâu, bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hồng Đ theo các biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu lập ngày 09/01/2019 tại Công an thị xã Phú Thọ.

Về án phí: Buộc các bị cáo Bùi Quang L; Lê Bính T; Lê Trọng T và Nguyễn Hồng Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo tự bào chữa cho bản thân, nhất trí với bản cáo trạng và không có lời bào chữa nào khác và xin Hội đồng xét xử xem xét chiều có giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo và người chứng kiến trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các vấn đề cần giải quyết trong vụ án :

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Bùi Quang L; Lê Bính T; Lê Trọng T và Nguyễn Hồng Đ đã khai nhận đã có hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với quá trình điều tra, giải quyết vụ án do đó có đủ cơ sở khẳng định:

Hồi 12 giờ 10 phút, ngày 02/12/2018, tại nhà của Bùi Quang L ở khu 9, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, Bùi Quang L, Lê Trọng T, Nguyễn Hồng Đ và Lê Bính T, đã cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh ba cây, bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ phát hiện bắt quả tang, thu giữ số tiền dùng để đánh bạc là: 15.256.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng) và 36 quân bài tứ lơ khơ, 01 chiếc chiếu cói.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn cả 04 đối tượng chơi đều là người thực hiện, trong đó T là người chuẩn bị công cụ đánh bạc.

Hành vi phạm tội như đã nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Điều 321 – BLHS quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000đ nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000đ đến 100.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo đã ngang nhiên xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng đến an ninh trật tự địa phương, gây dư luận xấu, bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy vụ án cần phải đưa ra xét xử kịp thời nhằm giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung của tội phạm.

Xét về nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Các bị cáo đều là những người có điều kiện để nhận thức pháp luật. Mặc dù biết đánh bạc dưới mọi hình thức là vi phạm pháp luật, nhưng do háo hức nên các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Đối với bị cáo L tham gia đánh bạc với số tiền nhiều nhất (7.680.000đ), bị cáo T mặc dù lượng tiền tham gia đánh bạc ít hơn so với bị cáo L (3.000.000đ), nhưng là người chuẩn bị dụng cụ để đánh bạc, bị cáo Đ tham gia đánh bạc có 3.036.000đ và bị cáo T có 1.500.000đ. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào, đều có nơi cư trú rõ ràng, đều có sức khỏe và có điều kiện kinh tế nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần có một hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, nhưng cần phân hóa vai trò, số tiền tham gia đánh bạc của từng bị cáo để phạt cho phù hợp.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Xét thấy các bị cáo đã bị phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

Về vật chứng:

Đối với số tiền là 15.256.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng) trong đó thu trên chiếu bạc là 9.180.000đ và thu trên người của các bị cáo 6.076.000đ đều là tiền dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

Cần tịch thu tiêu hủy 36 quân bài tứ lơ khơ, 01 chiếc chiếu cỏi.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo có quyền kháng cáo theo luật định.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm Sát nhân dân thị xã Phú Thọ phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Quang L; Lê Bính T; Lê Trọng T và Nguyễn Hồng Đ phạm tội: “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1,3 Điều 35 - BLHS

Xử phạt bị cáo Bùi Quang L 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) nộp một lần sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Lê Trọng T 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) nộp một lần sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Lê Bính T 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nộp một lần sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Đ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nộp một lần sung quỹ Nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Bùi Quang L; Lê Bính T; Lê Trọng T và Nguyễn Hồng Đ.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a,b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Về vật chứng:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền là 15.256.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Tịch thu cho tiêu hủy 36 quân bài tú lơ khơ và 01 chiếc chiếu cói.

(Các vật chứng có tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 31/01/2019 tại chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ).

Xác nhận cơ quan điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại cho bị cáo T 01 ví màu đen, bên trong có 01 giấy phép lái xe hạng C mang tên Lê Trọng T và trả lại cho bị cáo Nguyễn Hồng Đ 01 ví da màu nâu, bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hồng Đ theo các biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu lập ngày 09/01/2019 tại Công an thị xã Phú Thọ.

Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về án phí: Buộc các bị cáo Bùi Quang L; Lê Bính T; Lê Trọng T và Nguyễn Hồng Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo (Có mặt) được quyền kháng cáo lên TAND tỉnh để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi gửi:

- VKSND thị xã Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Công an thị xã Phú Thọ;
- UBND xã H;
- Sở tư pháp;
- THA HS;
- Chi cục THADS;
- Các bị cáo;
- Lưu HS -VP;

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Thúy